

CHÍNH PHỦ
Số: 57/1998/NĐ-CP

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 31 tháng 7 năm 1998

NGHỊ ĐỊNH CỦA CHÍNH PHỦ

**Quy định chi tiết thi hành Luật Thương mại về hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu,
gia công và đại lý mua bán hàng hoá với nước ngoài**

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 30 tháng 9 năm 1992;

Căn cứ Luật Thương mại ngày 10 tháng 5 năm 1997;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Thương mại,

NGHỊ ĐỊNH:

CHƯƠNG I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định chi tiết việc thi hành Luật Thương mại về xuất khẩu, nhập khẩu hàng hoá trong hoạt động thương mại với nước ngoài; gia công và đại lý mua bán hàng hoá của thương nhân Việt Nam với thương nhân nước ngoài.

Hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu của các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam thực hiện theo Luật Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam, các văn bản pháp luật khác có liên quan và những quy định tại Nghị định này.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Nghị định này, những từ dưới đây được hiểu như sau:

1. Hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu hàng hoá là hoạt động mua, bán hàng hoá của thương nhân Việt Nam với thương nhân nước ngoài theo các hợp đồng mua bán hàng hoá, bao gồm cả hoạt động tạm nhập tái xuất, tạm xuất tái nhập và chuyển khẩu hàng hoá.
2. Gia công hàng hóa với thương nhân nước ngoài là việc thương nhân Việt Nam, doanh nghiệp được thành lập theo Luật Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam nhận gia công hàng hóa tại Việt Nam cho thương nhân nước ngoài hoặc đặt gia công hàng hóa ở nước ngoài.
3. Đại lý mua, bán hàng hoá với thương nhân nước ngoài là việc thương nhân Việt Nam là bên đại lý bán hàng tại Việt Nam cho thương nhân nước ngoài hoặc là bên đại lý mua hàng tại Việt Nam cho thương nhân nước ngoài để xuất khẩu hoặc sản xuất tại Việt Nam để xuất khẩu.

CHƯƠNG II

XUẤT KHẨU, NHẬP KHẨU HÀNG HOÁ

MỤC 1

QUY ĐỊNH VỀ HÀNG HOÁ XUẤT KHẨU, NHẬP KHẨU

Điều 3. Hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu

Thương nhân được xuất khẩu, nhập khẩu hàng hoá theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh. Đối với hàng hoá cấm xuất khẩu, cấm nhập khẩu, hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu có điều kiện, thực hiện theo quy định tại Điều 4, Điều 5 Nghị định này.

Điều 4. Hàng hoá cấm xuất khẩu, cấm nhập khẩu

1. Ban hành kèm theo Nghị định này Danh mục hàng hoá cấm xuất khẩu, cấm nhập khẩu (Phụ lục số 1).

Việc điều chỉnh Danh mục hàng hóa cấm xuất khẩu, cấm nhập khẩu do Chính phủ phê duyệt trên cơ sở đề nghị của Bộ trưởng Bộ Thương mại sau khi đã bàn thống nhất với Bộ Kế hoạch và Đầu tư và các Bộ, ngành liên quan.

2. Các mặt hàng thuộc Danh mục hàng hoá cấm xuất khẩu, cấm nhập khẩu chỉ được phép xuất khẩu, nhập khẩu trong trường hợp đặc biệt khi được phép của Thủ tướng Chính phủ.

Điều 5. Hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu có điều kiện

1. Hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu có điều kiện là hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu theo hạn ngạch hoặc hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu theo giấy phép của Bộ Thương mại hoặc Bộ quản lý chuyên ngành.

2. Ban hành kèm theo Nghị định này Danh mục hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu có điều kiện (Phụ lục số 2).

3. Việc điều chỉnh Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu có điều kiện do Chính phủ phê duyệt trên cơ sở đề nghị của Bộ trưởng Bộ Thương mại sau khi đã bàn thống nhất với Bộ Kế hoạch và Đầu tư và các Bộ, ngành liên quan.

4. Vào đầu quý IV hàng năm, Bộ Thương mại chủ trì cùng Bộ Kế hoạch và Đầu tư và các Bộ, ngành liên quan trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt nguyên tắc điều hành xuất nhập khẩu cho năm kế hoạch tiếp theo đối với các mặt hàng xuất khẩu, nhập khẩu có điều kiện, theo hướng giảm dần Danh mục hàng hóa này và dùng thuế để điều tiết.

Điều 6. Hàng hoá tạm nhập tái xuất, tạm xuất tái nhập và chuyển khẩu

Hàng hoá kinh doanh theo phương thức tạm nhập tái xuất, tạm xuất tái nhập và chuyển khẩu do Bộ trưởng Bộ Thương mại quy định tại Quy chế riêng sau khi đã bàn thống nhất với các Bộ, ngành liên quan và theo đúng thông lệ quốc tế.

Điều 7. Tạm ngừng xuất khẩu, nhập khẩu hàng hoá

Trong trường hợp cần thiết, Chính phủ quyết định tạm ngừng xuất khẩu, nhập khẩu với một thị trường nhất định hoặc tạm ngừng xuất khẩu, nhập khẩu với những mặt hàng nhất định để thực hiện quyền tự vệ theo pháp luật và thông lệ quốc tế.

Bộ Thương mại thông báo với các tổ chức kinh tế quốc tế, khu vực, các nước liên quan theo thủ tục đã thoả thuận (nếu có) khi Chính phủ có quyết định cụ thể về việc tạm ngừng xuất khẩu, nhập khẩu hàng hoá.

MỤC 2

QUY ĐỊNH VỀ KINH DOANH XUẤT KHẨU, NHẬP KHẨU

Điều 8. Kinh doanh xuất khẩu, nhập khẩu

1. Thương nhân là doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế được thành lập theo quy định của pháp luật được phép xuất khẩu, nhập khẩu hàng hoá theo ngành nghề đã đăng ký trong giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

2. Các Chi nhánh Tổng công ty, Công ty được xuất khẩu, nhập khẩu hàng hoá theo uỷ quyền của Tổng giám đốc Tổng công ty, Giám đốc Công ty, phù hợp với nội dung giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Tổng công ty, Công ty.

3. Trước khi tiến hành hoạt động kinh doanh xuất nhập khẩu, doanh nghiệp phải đăng ký mã số doanh nghiệp kinh doanh xuất nhập khẩu tại Cục Hải quan tỉnh, thành phố.

Tổng cục Hải quan xây dựng hệ thống mã số nói trên và hướng dẫn việc đăng ký mã số doanh nghiệp kinh doanh xuất nhập khẩu.

Điều 9. Xuất khẩu, nhập khẩu ủy thác

1. Thương nhân có giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc đã đăng ký mã số doanh nghiệp kinh doanh xuất nhập khẩu được ủy thác xuất khẩu, nhập khẩu hàng hoá phù hợp với nội dung của giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

2. Thương nhân đã đăng ký mã số doanh nghiệp kinh doanh xuất nhập khẩu được nhận ủy thác xuất khẩu, nhập khẩu hàng hoá phù hợp với nội dung giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

3. Việc ủy thác xuất khẩu, nhập khẩu và việc nhận ủy thác xuất khẩu, nhập khẩu các mặt hàng xuất khẩu, nhập khẩu có điều kiện do Bộ Thương mại hướng dẫn cụ thể.

4. Nghĩa vụ và trách nhiệm của bên ủy thác xuất khẩu, nhập khẩu và bên nhận ủy thác xuất khẩu, nhập khẩu được quy định cụ thể trong hợp đồng ủy thác xuất khẩu, nhập khẩu do các bên tham gia ký kết thỏa thuận.

Điều 10. Hiệp hội ngành hàng xuất khẩu, nhập khẩu

Thương nhân kinh doanh cùng ngành hàng, không phân biệt thành phần kinh tế, được phép thành lập Hiệp hội ngành hàng xuất khẩu, nhập khẩu trên cơ sở tự nguyện để phối hợp hoạt động và nâng cao hiệu quả sản xuất, kinh doanh, bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của các hội viên, đồng thời bảo đảm lợi ích quốc gia.

Bộ Thương mại ban hành Quy chế thành lập và hoạt động của các Hiệp hội ngành hàng xuất khẩu, nhập khẩu sau khi bàn thống nhất với Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ và các Bộ, ngành liên quan.

CHƯƠNG III

GIA CÔNG VỚI THƯƠNG NHÂN NƯỚC NGOÀI

MỤC 1

NHẬN GIA CÔNG CHO THƯƠNG NHÂN NƯỚC NGOÀI

Điều 11. Quy định chung

Thương nhân Việt Nam thuộc các thành phần kinh tế được phép nhận gia công cho thương nhân nước ngoài, không hạn chế số lượng, chủng loại hàng gia công. Đối với hàng gia công thuộc Danh mục hàng hoá cấm xuất khẩu, cấm nhập khẩu và tạm ngừng xuất khẩu, nhập khẩu, thương nhân chỉ được ký hợp đồng sau khi có sự chấp thuận bằng văn bản của Bộ Thương mại.

Điều 12. Hợp đồng gia công

Hợp đồng gia công phải được lập thành văn bản và bao gồm các điều khoản sau:

- a) Tên, địa chỉ của các bên ký hợp đồng;
- b) Tên, số lượng sản phẩm gia công;
- c) Giá gia công;
- d) Thời hạn thanh toán và phương thức thanh toán;
- đ) Danh mục, số lượng, trị giá nguyên liệu, phụ liệu, vật tư nhập khẩu và nguyên liệu, phụ liệu, vật tư sản xuất trong nước (nếu có) để gia công; định mức sử dụng nguyên liệu, phụ liệu, vật tư; định mức vật tư tiêu hao và tỷ lệ hao hụt nguyên liệu trong gia công;
- e) Danh mục và trị giá máy móc thiết bị cho thuê, cho mượn hoặc tặng cho để phục vụ gia công (nếu có);
- g) Biện pháp xử lý phế liệu, phế thải và nguyên tắc xử lý máy móc, thiết bị thuê mượn, nguyên liệu, phụ liệu vật tư dư thừa sau khi kết thúc hợp đồng gia công.
- h) Địa điểm và thời gian giao hàng;
- i) Nhãn hiệu hàng hoá và tên gọi xuất xứ hàng hoá;
- k) Thời hạn hiệu lực của hợp đồng.

Điều 13. Định mức sử dụng, định mức tiêu hao và tỷ lệ hao hụt nguyên liệu, phụ liệu, vật tư

Định mức sử dụng, định mức tiêu hao và tỷ lệ hao hụt nguyên liệu, phụ liệu, vật tư do các bên thoả thuận trong hợp đồng gia công. Giám đốc doanh nghiệp nhận gia công chịu trách nhiệm về việc sử dụng nguyên liệu, phụ liệu, vật tư nhập khẩu vào đúng mục đích gia công; trường hợp vi phạm sẽ bị xử lý theo pháp luật.

Điều 14. Thuê, mượn, nhập khẩu máy móc thiết bị của bên đặt gia công để thực hiện hợp đồng gia công